

Số: 20 /2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 19 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp,
kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật nhà ở số ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1838/TTr-SXD ngày 07 tháng 06 năm 2018 và Công văn giải trình số 2322/SXD-QLN ngày 13/7/2018.

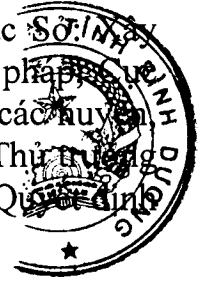
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công an, Văn phòng UBND tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng; Bộ TNMT;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về PL);
- Như Điều 3;
- TT Công báo; Website tỉnh;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT 27

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2018/QĐ-UBND ngày/9 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chế độ phối hợp, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Các loại nhà ở và dự án bất động sản phải báo cáo theo Quy chế này bao gồm: Nhà ở riêng lẻ; nhà ở chung cư; đất nền cho xây dựng nhà ở; văn phòng; khách sạn; mặt bằng thương mại, dịch vụ; hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng có trách nhiệm báo cáo theo Quy chế này bao gồm: Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ đầu tư dự án nhà ở và bất động sản; Tổ chức tham gia trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ bất động sản (Sàn giao dịch bất động sản, Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, Tổ chức hành nghề công chứng, Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản); Hiệp hội bất động sản tỉnh Bình Dương và các cá nhân hành nghề môi giới bất động sản.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản:

1. Lãnh đạo của cơ quan hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị (viết tắt là người đại diện theo pháp luật) có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, dự án bất động sản và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình cung cấp.

2. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử người báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu cho Sở Xây dựng (viết tắt là người báo cáo). Cụ thể:

a) Họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (email) của người báo cáo định kỳ phải được đăng ký với Sở Xây dựng bằng văn bản;

b) Trong quá trình báo cáo đột xuất mà có sự thay đổi về người báo cáo định kỳ thì họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (email) của người báo cáo đột xuất phải được ghi rõ trong văn bản báo cáo của cơ quan, đơn vị đó;

c) Người đại diện theo pháp luật và người báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo, thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

d) Việc báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng thông qua hai hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu: gửi thông tin, dữ liệu bằng văn bản và văn bản gửi đến hộp thư điện tử (email), phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung báo cáo. Trong trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo phải thông báo và gửi thư điện tử cho Sở Xây dựng trong vòng 24 giờ (kể từ khi có thay đổi, điều chỉnh) trước khi gửi văn bản điều chỉnh chính thức.

đ) Người cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 2 Quy chế này phải là người am hiểu về chuyên môn. Cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm tạo điều kiện để người báo cáo tổng hợp, thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản để thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Nội dung thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo phải đầy đủ, chính xác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

4. Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo theo đúng mẫu và thời hạn quy định.

5. Sở Xây dựng tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo Quy chế này để tổng hợp, xử lý, đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản. Trường hợp cần bổ sung chỉ tiêu thu thập không thuộc phạm vi Quy chế này, Sở Xây dựng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận trước khi tổ chức thực hiện.

6. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này về công tác phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN

Điều 4. Nội dung báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Cơ sở dữ liệu về nhà ở gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;

b) Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở;

c) Các thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở;

d) Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn;

đ) Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

e) Thông tin về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng;

g) Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở;

h) Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà;

i) Công tác quản lý nhà chung cư;

k) Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở.

2. Cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;

b) Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo;

c) Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch;

d) Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản;

đ) Thông tin về sàn giao dịch bất động sản;

e) Số lượng nhà ở cho thuê và văn phòng, khách sạn, mặt bằng thương mại, dịch vụ gồm các thông tin: Đặc điểm về đất đai, xây dựng; quy mô, mục đích sử dụng; đăng ký sở hữu;

g) Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo các thông tin cần thiết có liên quan về nhà ở và thị trường bất động sản phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế địa phương.

Điều 5. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức

1. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng tháng (trước ngày 05 của tháng sau báo cáo):

a) Sàn giao dịch bất động sản; tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh cung cấp thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản bán, cho thuê về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;



b) Chủ đầu tư dự án nhà ở và bất động sản cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

c) Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng quý (trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo):

a) Chủ đầu tư dự án nhà ở và bất động sản cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản, số lượng sản phẩm của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp các thông tin về số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

c) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương tổng hợp số liệu dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 16 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo):

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về công tác quản lý nhà chung cư về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin về sử dụng đất ở về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

c) Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo):

Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn và nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng tại địa phương về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 14, 15 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

5. Cục Thống kê tỉnh cung cấp số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp của các chương trình điều tra, thống kê về dân số và nhà ở về Sở Xây dựng chậm nhất sau 20 ngày kể từ khi các kết quả điều tra, thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chủ đầu tư các dự án nhà ở và bất động sản cung cấp các thông tin về dự án nhà ở, bất động sản bao gồm: Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 7a, 7b, 7c, 7d tại Phụ lục kèm



theo Quyết định này chậm nhất 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án và khi có quyết định điều chỉnh (nếu có).

7. Hình thức và nơi nhận báo cáo thông tin, dữ liệu.

a) Hình thức gửi báo cáo: Bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Sau khi các đơn vị được triển khai thực hiện báo cáo qua phần mềm dùng chung của Bộ Xây dựng, các đơn vị thực hiện báo cáo qua phần mềm dùng chung.

b) Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng, Tầng 7, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Các cơ quan nhà nước gửi qua mail công vụ; Các doanh nghiệp gửi qua Email: quanlyttbdsbinhduong@gmail.com.

Điều 6. Cập nhật, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận các báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức báo cáo để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được số hóa, lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và định kỳ công bố theo quy định pháp luật.

5. Hiệp hội Bất động sản tỉnh Bình Dương được công bố và tự chịu trách nhiệm các thông tin đến nhà ở, thị trường bất động sản do mình tự thu thập, xử lý; cần nêu rõ nguồn số liệu đồng thời gửi nội dung công bố về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương để theo dõi, giám sát.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức và cá nhân liên quan

1. Cử cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan được phân công có trách nhiệm báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản đầy đủ, chính xác, theo đúng biểu mẫu và đúng thời hạn quy định, đảm bảo việc kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản của cơ quan mình theo Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo sự kết nối, tích hợp, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu về đất đai do cơ quan tài nguyên và môi trường quản lý với cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

4. Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính xem xét, thẩm định dự toán kinh phí để thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê về nhà ở và thị trường bất động sản cấp tỉnh; dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng lập để trình UBND tỉnh phê duyệt bố trí dự toán năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổng hợp các báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản cho Bộ Xây dựng (Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản). Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra nội dung báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các sai phạm của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng lập kế hoạch, dự toán kinh phí để thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê của tỉnh; lập nhiệm vụ và dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xử lý vi phạm của chủ đầu tư dự án bất động sản, Sàn giao dịch bất động sản, đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản đối với việc không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung báo cáo không chính xác, đầy đủ theo quy định.

4. Báo cáo, đánh giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng, xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của Hiệp hội Bất động sản tỉnh Bình Dương

Hiệp hội Bất động sản tỉnh Bình Dương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy chế này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến bất động sản và thành viên trong Hiệp hội trong việc sử dụng, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản của đơn vị mình theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

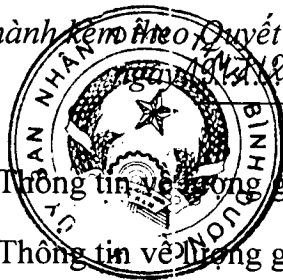
Trong quá trình thực hiện, khi Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương có văn bản điều chỉnh, bổ sung các quy định có liên quan đến nội dung Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; đồng thời, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2018/QĐ-UBND



- Biểu mẫu số 1 Thông tin về lượng giao dịch bất động sản bán trong kỳ
- Biểu mẫu số 2 Thông tin về lượng giao dịch bất động sản cho thuê trong kỳ
- Biểu mẫu số 3 Thông tin về giá giao dịch các bất động sản
- Biểu mẫu số 4a Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
- Biểu mẫu số 4b Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)
- Biểu mẫu số 4c Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
- Biểu mẫu số 5 Báo cáo về tình hình bán, cho thuê mua nhà ở tại các dự án cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
- Biểu mẫu số 6 Báo cáo về lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng/chứng thực
- Biểu mẫu số 7a Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án nhà ở (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp)
- Biểu mẫu số 7b Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
- Biểu mẫu số 7c Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
- Biểu mẫu số 7d Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)
- Biểu mẫu số 8a Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, tòa nhà chung cư hỗn hợp)
- Biểu mẫu số 8b Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
- Biểu mẫu số 8c Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

- Biểu mẫu số 8d Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)
- Biểu mẫu số 9 Báo cáo về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà
- Biểu mẫu số 10 Thông tin về quản lý nhà chung cư.
- Biểu mẫu số 11 Báo cáo thông tin về sử dụng đất ở của địa phương
- Biểu mẫu số 12 Báo cáo tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
- Biểu mẫu số 13 Số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
- Biểu mẫu số 14 Tổng hợp số lượng nhà ở đô thị, nông thôn tại địa phương
- Biểu mẫu số 15 Tổng hợp nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng tại địa phương
- Biểu mẫu số 16 Tổng hợp về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản



Đơn vị báo cáo (tên sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới):.....

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Địa chỉ, điện thoại:

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN BÁN TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Đất nền (lô)	Diện tích văn phòng (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²	Liên kề	Biệt thự	Nhà ở độc lập			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Huyện:...									
	Bất động sản phát triển theo dự án									
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu									
2	Huyện:...									
...	...									

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (tên sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới):..... Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Địa chỉ, điện thoại:

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Diện tích văn phòng (m ²)			Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤ 70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤ 120 m ²	Diện tích > 120 m ²	Liên kề	Biệt thự	Nhà ở độc lập	Hạng A	Hạng B	Hạng C	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Huyện:...										
	Bất động sản phát triển theo dự án										
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu										
2	Huyện:...										
...	...										

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới):..... Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Địa chỉ, điện thoại:

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN VỀ GIÁ GIAO DỊCH CÁC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Loại bất động sản	Địa chỉ bất động sản	Số hiệu giấy chứng nhận quyền sở hữu bất động sản, quyền sử dụng đất	Số hiệu thửa đất	Hình thức giao dịch		Thời điểm giao dịch thành công	Diện tích giao dịch (m ²)	Giá giao dịch		Đặc điểm bất động sản
					Bán	Cho thuê			Bán (triệu đồng)	Cho thuê (triệu đồng /tháng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
...											

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột (2) gồm: Căn hộ chung cư, đất nền, nhà riêng lẻ, văn phòng (hạng A, B, C), mặt bằng thương mại, dịch vụ.

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN

(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Bất động sản đã bán trong kỳ																					
						Căn hộ chung cư									Nhà riêng lẻ						Đất nền			Văn phòng cho thuê		Mặt bằng thương mại, dịch vụ	
						Diện tích ≤70 m ²			70 m ² < Diện tích ≤120 m ²			Diện tích >120 m ²			Nhà liền kề			Biệt thự									
						Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nền	Tổng diện tích đất nền (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Tổng diện tích văn phòng (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Tổng diện tích thương mại, dịch vụ (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)
1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
I	Huyện:...																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
...	...																										
II	Huyện:...																										
...	...																										
Tổng cộng																											

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
 (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp,
 dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
 Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Bất động sản đã bán trong kỳ																							
						Căn hộ chung cư									Nhà riêng lẻ						Đất nền			Văn phòng cho thuê		Mặt bằng thương mại, dịch vụ			
						Diện tích ≤70 m ²			70 m ² < Diện tích ≤120 m ²			Diện tích >120 m ²			Nhà liền kề			Biệt thự			Số lượng	Tổng diện tích	Giá bán trung bình	Số lượng	Tổng diện tích	Giá bán trung bình	Số lượng	Tổng diện tích	Giá bán trung bình
						Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)									
1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)		
I	Huyện:...																												
1	Dự án...																												
2	Dự án...																												
...	...																												
II	Huyện:...																												
...	...																												
Tổng cộng																													

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Lũy kế bất động sản đã bán tính đến hết kỳ báo cáo														Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
						Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ				Đất nền					
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² < Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự							
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nền (lô)	Tổng diện tích đất nền (m ²)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)		
I	Huyện:...																				
1	Dự án....																				
2	Dự án....																				
...	...																				
II	Huyện:...																				
...	...																				
Tổng cộng																					

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Bất động sản đã cho thuê trong kỳ																		
						Căn hộ chung cư									Nhà riêng lẻ						Văn phòng cho thuê		Mặt bằng thương mại, dịch vụ	
						Diện tích ≤70 m ²			70 m ² < Diện tích ≤120 m ²			Diện tích >120 m ²			Nhà liền kề			Biệt thự						
						Số căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Tổng diện tích văn phòng (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Tổng diện tích thương mại, dịch vụ (m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)
(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)	(59)	(60)	(61)						
I	Huyện:...																							
1	Dự án...																							
2	Dự án...																							
...	...																							
II	Huyện:...																							
...	...																							
Tổng cộng																								

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Lũy kế bất động sản đã cho thuê tính đến hết kỳ báo cáo												
						Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ				Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² < Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự				
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(62)	(63)	(64)	(65)	(66)	(67)	(68)	(69)	(70)	(71)	(72)	(73)	
I	Huyện:...																	
1	Dự án....																	
2	Dự án....																	
...	...																	
II	Huyện:...																	
...	...																	
Tổng cộng																		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Bất động sản đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tính đến hết kỳ báo cáo														Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
						Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ				Đất nền					
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² < Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự							
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nền (lô)	Tổng diện tích đất nền (m ²)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(74)	(75)	(76)	(77)	(78)	(79)	(80)	(81)	(82)	(83)	(84)	(85)	(86)	(87)		
I	Huyện:.....																				
1	Dự án...																				
2	Dự án....																				
...	...																				
II	Huyện:.....																				
1	Dự án....																				
2	Dự án....																				
...	...																				
Tổng cộng																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH TẠI CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng diện tích đất đã xây dựng công trình (ha)	Trong tháng báo cáo							Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo				
					Số lượng căn nhà/căn hộ đã xây dựng (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã cho thuê (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa cho thuê (căn)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã xây dựng (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã cho thuê (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa cho thuê (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Huyện:...															
1	Dự án khu du lịch sinh thái															
...	...															
2	Dự án khu nghỉ dưỡng															
...	...															
3	Dự án hỗn hợp sinh thái, nghỉ dưỡng															
...	...															
11	Huyện:...															
...	...															
Tổng cộng																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Diện tích đất được duyệt (ha)	Trong tháng báo cáo			Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo	
					Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã cho thuê (ha)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/ha)	Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã cho thuê (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Huyện:								
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp								
...	...								
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp								
...	...								
II	Huyện:								
...	...								
Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH BÁN, CHO THUÊ MUA NHÀ Ở TẠI CÁC DỰ ÁN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Tên tòa nhà chung cư, khu nhà ở riêng lẻ	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng nhà theo dự án được duyệt (căn)	Lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức nước ngoài (căn)		Nhà ở để bán, cho thuê mua cho cá nhân nước ngoài (căn)		Tổng cộng số lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn)	
						Trong tháng báo cáo	Lũy kế tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Lũy kế tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7)+(9)	(12)=(8)+(10)
1	Dự án....	Tòa nhà chung cư....									
		...									
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
		...									
2	Dự án....	Tòa nhà chung cư....									
		...									
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
		...									
...											

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Sở Tư pháp/UBND cấp xã):.....

Số liệu được tổng hợp hàng tháng

Địa chỉ, điện thoại:

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 của tháng sau

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỂ BÁN QUA CÔNG CHỨNG/CHỨNG THỰC

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Địa điểm bất động sản	Số lượng giao dịch bất động sản để bán được tổng hợp từ số liệu công chứng/chứng thực trong tháng báo cáo									
		Đất nền để ở (lô)		Nhà ở riêng lẻ (căn)		Căn hộ chung cư (căn)			Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	
		Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1	Huyện:...										
2	Huyện:...										
	...										
	Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Sở Tư pháp địa phương cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua công chứng tại địa phương.
- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua chứng thực.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Số liệu được tổng hợp sau 15 ngày có quyết định phê duyệt

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở

(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp)

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

STT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Các thông tin theo quyết định phê duyệt			Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn nước ngoài)		Cơ cấu bất động sản theo quy hoạch											Danh mục công trình hạ tầng xã hội						
						Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ ... đến ...)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó		Số lượng chung cư			Tổng diện tích căn hộ chung cư (m ²)	Số lượng nhà ở riêng lẻ		Tổng diện tích sàn nhà ở riêng lẻ (m ²)	Nhà ở xã hội			Đất nền để ở		Diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)		
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động (tỷ đồng)			Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại (ha)		Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội (ha)		Diện tích đất khác (ha)	Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)	Diện tích ≤70 m ² (căn)	70 m ² < Diện tích ≤120 m ² (căn)		Diện tích >120 m ² (căn)	Biệt thự (ha)		Nhà liền kề (căn)	Số lượng nhà ở xã hội (căn)		Diện tích nhà ở xã hội (m ²)	Số lượng đất nền để ở (lô)			Diện tích đất nền để ở (m ²)	
1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	
I	Huyện																															
1	Dự án																															
2	Dự án																															
...																																

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Số liệu được tổng hợp sau 15 ngày có quyết định phê duyệt

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)			Tổng diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Tổng diện tích sàn mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Diện tích khác (m ²)
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó		Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó				
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Đất xây dựng công trình (ha)	Đất công cộng (ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I	Huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
II	Huyện																		
...	...																		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Số liệu được tổng hợp sau 15 ngày có quyết định phê duyệt

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)		
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó	
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Diện tích mặt bằng xây dựng nhà xưởng (ha)	Diện tích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở công nhân (ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Huyện ...																
1	Dự án ...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Huyện ...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (13): Diện tích đất được cho thuê làm nhà xưởng.

- Cột (14): Diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác như nhà điều hành, xử lý nước thải, trạm điện, đường giao thông...

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Số liệu được tổng hợp sau 15 ngày có quyết định phê duyệt

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)			Quy mô dự án		
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó		Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó		Số lượng nhà, căn hộ, phòng (căn, phòng)	Tổng diện tích nhà, căn hộ, phòng (m ²)	
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Đất xây dựng công trình (ha)	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)		Đất khác (ha)	Vốn trong nước (tỷ đồng)			Vốn nước ngoài (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I	Quận/huyện...																		
1	Dự án...																		
2	Dự án...																		
...	...																		
II	Quận/huyện...																		
...	...																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp theo quý

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4, 15/07, 15/10, 15/01 năm sau

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, tòa nhà chung cư hỗn hợp)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời điểm bắt đầu triển khai (tháng/năm)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Về giải phóng mặt bằng			Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật			Về xây dựng nhà ở thương mại								
							Diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Diện tích đất đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch (ha)	Diện tích đất đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Nhà chung cư				Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)				
													Đã xây thô		Đã hoàn thiện						
													Số lượng căn hộ (căn)		Số lượng căn hộ (căn)						
Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²	Diện tích sàn (m ²)	Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²	Diện tích sàn (m ²)														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
I	Quận/huyện...																				
1	Dự án...																				
2	Dự án ...																				
...	...																				
II	Quận/huyện...																				
...	...																				

Biểu mẫu số 8a (tiếp theo)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Về xây dựng nhà ở thương mại								Về sử dụng đất và xây dựng nhà ở xã hội (nếu có)										Về xây dựng văn phòng			Về xây dựng mặt bằng thương mại dịch vụ			Danh mục công trình hạ tầng xã hội đã hoàn thành							
				Nhà riêng lẻ								Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội đã bàn giao cho nhà nước (ha)	Số lượng căn nhà/căn hộ theo thiết kế (căn)	Nhà chung cư				Nhà riêng lẻ				Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích văn phòng đã xây thô (m ²)	Diện tích văn phòng đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã xây thô (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thiện (m ²)		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)						
				Đã xây thô				Đã hoàn thiện						Đã xây thô		Đã hoàn thiện		Đã xây thô		Đã hoàn thiện															
				Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)			Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)									Số lượng nhà (căn)	Diện tích sàn (m ²)				
				Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự												
(1)	(2)	(3)	(4)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)				
I	Huyện																																		
1	Dự án																																		
2	Dự án																																		
...	...																																		
II	Huyện																																		
...	...																																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú:**
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.
 - Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu giải phóng mặt bằng.
 - Chủ đầu tư cấp 1 phải báo cáo cả các số liệu do chủ đầu tư thứ cấp thực hiện (nếu có). Chủ đầu tư thứ cấp có trách nhiệm cung cấp số liệu thực hiện cho chủ đầu tư cấp 1 theo biểu mẫu này.
 - Cột (7) = cột (10)+cột (13)+cột (24)+cột (33)+cột (45)+cột (48)+cột (51).
 - Cột (52): Ghi rõ số lượng trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế... (ví dụ: 01 trường tiểu học, 02 trung tâm y tế, 03 chợ...).

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

Số liệu được tổng hợp theo quý

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4, 15/07, 15/10, 15/01 năm sau

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô theo thiết kế được duyệt		Về xây dựng công trình							
					Diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Thời điểm khởi công (tháng/năm)	Thời điểm xây dựng xong móng (ngày/tháng/năm)	Khối lượng văn phòng hoàn thành			Khối lượng mặt bằng thương mại, dịch vụ hoàn thành		
									Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Huyện ...													
1	Dự án ...													
	...													
II	Huyện ...													
	...													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp theo quý

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4, 15/07, 15/10, 15/01 năm sau

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Về giải phóng mặt bằng		Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật				Về xây dựng nhà ở công nhân (nếu có)				
							Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Thời điểm khởi công (tháng/năm)	Diện tích đất đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất chưa hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Theo thiết kế		Thực tế thực hiện		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
													Diện tích sàn (m ²)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích sàn hoàn thành xây thô (m ²)	Diện tích sàn đã hoàn thành (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Huyện:...																
1	Dự án...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Huyện:...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp theo quý

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4, 15/07, 15/10, 15/01 năm sau

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)

Thời điểm báo cáo: Quý... năm....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt (ha)	Số lượng phòng, căn hộ thiết kế được duyệt (căn)	Về giải phóng mặt bằng		Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật		Về xây dựng công trình					
								Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích đất đã xây dựng (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Căn nhà/căn hộ đã xây dựng xong		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Phòng khách sạn đã xây dựng xong		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
												Số lượng căn nhà/căn hộ (căn)	Diện tích sàn (m ²)		Số lượng phòng khách sạn (phòng)	Diện tích sàn (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Quận/huyện:...																
1	Dự án...																
2	Dự án...																
...	...																
II	Quận/huyện:...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.....

Số liệu được tổng hợp theo quý

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4, 15/07, 15/10, 15/01 năm sau

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở VÀ QUYỀN SỞ HỮU NHÀ

Kỳ báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Huyện	Số lượng giấy chứng nhận đã cấp trong quý báo cáo			Trong đó: Số lượng cấp giấy chứng nhận chuyển dịch quyền sử dụng đất và sở hữu nhà		
		Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: (UBND thành phố/ thị xã//huyện).....
 Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp 6 tháng
 Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/07, 15/01 năm sau

THÔNG TIN VỀ QUẢN LÝ NHÀ CHUNG CƯ

Kỳ báo cáo: 6 tháng.....năm.....

TT	Tên tòa nhà	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng căn hộ	Số hộ dân đã sinh sống	Hình thức quản lý			Đơn vị quản lý	Ngày thành lập và quyết định công nhận ban quản trị
						Chủ đầu tư quản lý	Chủ sở hữu tự quản lý	Thuê đơn vị quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thành lập ban quản trị: Báo cáo thường kỳ.
- Trường hợp đã thành lập Ban quản trị: Chỉ báo cáo khi có sự thay đổi thông tin về hình thức quản lý, đơn vị quản lý.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp 6 tháng

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/07, 15/01 năm sau

BÁO CÁO THÔNG TIN VỀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Thời điểm báo cáo: Tháng 6/tháng 12 năm....

TT	Quận/huyện	Cơ cấu sử dụng đất ở theo quy hoạch được duyệt (ha)						Cơ cấu sử dụng đất ở đã thực hiện xây dựng (ha)						
		Tổng diện tích đất ở theo quy hoạch	Trong đó					Tổng diện tích đất ở đã xây dựng	Trong đó					
			Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội	Diện tích đất xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Diện tích đất khác		Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội	Diện tích đất xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Diện tích đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng cộng														

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết kỳ báo cáo.

Đơn vị báo cáo: Cục Thuế.....

Số liệu được tổng hợp 6 tháng

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/07, 15/01 năm sau

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỘP NGÂN SÁCH TỪ ĐẤT ĐAI VÀ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng...../năm.....

TT	Quận/huyện	Trong quý báo cáo (tỷ đồng)						Lũy kế tính từ đầu năm đến hết quý báo cáo (tỷ đồng)					
		Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư.....

Số liệu được tổng hợp 6 tháng

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/07, 15/01 năm sau

SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng...../năm.....

TT	Tổng số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Số lượng doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh					
		Đầu tư xây dựng, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản			Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản		
		Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: (UBND thành phố/thị xã/huyện).....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Số liệu được tổng hợp theo năm

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/01 năm sau

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NHÀ Ở ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Tổng số lượng nhà ở						Số lượng nhà ở xã hội						Nhà ở cho thuê					
		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Nhà ở thương mại cho thuê		Nhà ở xã hội cho thuê		Tổng cộng	
		(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(5)	(8) = (4)+(6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (9)+(11)	(14) = (10)+(12)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19) = (15)+(17)	(20) = (16)+(18)
1	Đô thị																		
2	Nông thôn																		
	Tổng cộng																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: (UBND thành phố/thị xã/huyện):.....

Số liệu được tổng hợp theo năm

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng Bình Dương

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/01 năm sau

TỔNG HỢP NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIÊN CỐ XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Nhà ở kiên cố (căn)	Nhà ở bán kiên cố (căn)	Nhà ở thiếu kiên cố (căn)	Nhà đơn sơ (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đô thị				
2	Nông thôn				
	Tổng cộng				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIÊN CỐ

Việc phân loại nhà ở theo mức độ kiên cố quy định tại Biểu mẫu số 15 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;
2. Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;
3. Nhà thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc;
4. Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bền chắc được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bền chắc

Vật liệu	Kết cấu chính		
	Cột, dầm	Mái	Tường bao che
Vật liệu bền chắc	1. Bê tông cốt thép 2. Xây gạch, đá 3. Sắt, thép, gỗ bền chắc	1. Bê tông cốt thép; bê tông cốt thép kết hợp tôn lợp chống nóng	1. Bê tông cốt thép 2. Xây gạch, đá 3. Gỗ, kim loại
Vật liệu không bền chắc	4. Gỗ tạp, tre 5. Vật liệu khác	2. Ngói (xi măng, đất nung) 3. Tấm lợp (xi măng, kim loại) 4. Lá, rơm rạ, giấy dầu 5. Vật liệu khác	4. Đất, vôi, rom 5. Phiên, liếp, ván ép 6. Vật liệu khác

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh.....
 Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng

Số liệu được tổng hợp theo quý
 Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4; 15/7, 15/10, 15/01 năm sau

TỔNG HỢP VỀ DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN
 Kỳ báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tỉnh/thành phố	Tổng dư nợ tín dụng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản (tỷ đồng)	Trong đó							
			Dư nợ tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án văn phòng (cao ốc) cho thuê (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án khách sạn (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với cho vay xây dựng, sửa chữa mua nhà để bán, cho thuê (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với cho vay mua quyền sử dụng đất (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với đầu tư kinh doanh bất động sản khác (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
...										
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu được tổng hợp tại thời điểm kết thúc quý báo cáo.